

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8- 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nhị Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Thế N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Thế N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông và bà Trần Thị N chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời chung sống thì ông và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống ông và bà N có 03 con chung tên Hoàng Thế D, Hoàng Thế M cùng sinh ngày 07 tháng 05 năm 2002 và Hoàng Ái V sinh ngày 25 tháng 11 năm 2007. Do D và M đã trưởng thành nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện V đang sống cùng bà N, khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục giao V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông và bà N tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông và bà N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà thống nhất với phần trình bày của ông Hoàng Thế N về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân ông N yêu cầu ly hôn. Nay bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N.

- *Về con chung*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông N về con chung. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Ái V sinh ngày 25 tháng 11 năm 2007 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với Hoàng Thế D và Hoàng Thế M cùng sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 do đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông N đã tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Hoàng Thế N và bà Trần Thị N là vợ chồng. Về con chung: Do con chung tên Hoàng Thế D và Hoàng Thế M cùng sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Tiếp tục giao con chung tên Hoàng Ái V sinh ngày 25 tháng 11 năm 2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn ông Hoàng Thế N khởi kiện bị đơn bà Trần Thị N có địa chỉ tại ấp A, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản

1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do ông N và bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà N.

Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thực tế ông N và bà N đã sống chung với nhau như vợ chồng và nay ông N có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận ông N và bà N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Trong quá trình chung sống ông N và bà N có 03 con chung tên Hoàng Thế Duy, Hoàng Thế M cùng sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 và Hoàng Ái V sinh ngày 25 tháng 11 năm 2007. Đối với D và M do đã trưởng thành nên không xem xét. Còn cháu V có nguyện vọng được sống với bà N thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2020. Phía ông N cũng đồng ý giao cháu Vy cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, do đó việc giao cháu V cho bà N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Do ông N và bà N tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do ông N và bà N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001884 ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Hoàng Thế N và bà Trần Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Do con chung tên Hoàng Thế Duy và Hoàng Thế M cùng sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

- Tiếp tục giao con chung tên Hoàng Ái V sinh ngày 25 tháng 11 năm 2007 cho bà Trần Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Trần Thị N không yêu cầu ông Hoàng Thế N cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Hoàng Thế N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Hoàng Thế N và bà Trần Thị N thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Hoàng Thế N và bà Trần Thị N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hoàng Thế N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Hoàng Thế N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001884 ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Bà Trần Thị N không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. GR;
- CCTHADS Tx. GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi